

Chúng tôi xin giới thiệu đến các em học sinh tài liệu giải bài tập môn Anh 11 Unit 1 chi tiết, dễ hiểu nhất. Mời các em tham khảo phần Unit 1 lớp 11 Language Focus - Friendship dưới đây.

Soạn Language Focus - Unit 1 trang 19 SGK Tiếng Anh 11

Put the words in the correct order to make sentences, writing the main verb in the present simple and making the other an infinitive with to.

Lựa chọn câu để xem lời giải nhanh hơn

Pronunciation

Pronunciation

Listen and repeat

(Nghe và lặp lại)

/dʒ/

jam

joke

January

dangerous

passenger

village

/tʃ/

children

changeable

cheese

mutual

church

which

Practise reading aloud these sentences

(Thực hành đọc to những câu sau)

1. Just outside the village, there's a bridge.
2. Jane always enjoy George' jokes.
3. Two jeeps went over the edge of the bridge.
4. Which picture do you think the child wants to change?
5. Do you like French salad and fish and chips?

Exercise 1

Exercise 1. Put the words in the correct order to make sentences, writing the main verb in the present simple and making the other an infinitive with to.

(Đặt các từ đúng thứ tự để tạo thành các câu, viết động từ chính ở thì hiện tại đơn và động từ khác dưới hình thức nguyên mẫu có "to".)

1. who something eat want?
2. letters I write some have.
3. delighted hear I be the news.
4. my shopping some mother do have.
5. always much talk have you too about.
6. lovely see it again you be.
7. out cold it go too be.
8. passed exams know happy I be that you have the.

Lời giải chi tiết:

1. Who wants something to eat?
2. I have some letters to write.
3. I am/ was delighted to hear the news.
4. My mother has some shopping to do.
5. You always have too much to talk about.

6. It's lovely to see you again.
7. It is/ was too cold to go out.
8. I am happy to know that you have passed the exams.

Tạm dịch:

1. Ai muốn ăn chút gì nào?
2. Tôi có vài bức thư cần gửi đi.
3. Tôi rất vui khi nghe tin đó.
4. Mẹ của tôi có vài thứ cần mua sắm.
5. Bạn muốn luôn có quá nhiều điều để nói.
6. Thật vui khi được gặp lại bạn.
7. Trời quá lạnh để đi ra ngoài.
8. Tôi rất vui khi biết rằng bạn đã qua các bài thi.

Exercise 2**Exercise 2. Rewrite the sentences, using the words given in brackets.**

(Viết lại câu, sử dụng các từ cho sẵn trong ngoặc.)

1. They Slot out of the car. (The police watched)
2. They allowed him to write a letter to his wife. (They let)
3. They talked in the next room. (I heard)
4. The customs officer told him to open the briefcase. (The customs officer made)
5. The cat jumped through the window. (The boy saw)
6. Maybe the company will ask him to pay some extra money. (Do you think the company will make)
7. The animal moved towards me. I felt it. (I felt)
8. She wants to go for a picnic. (Do you think her parents will let)

Lời giải chi tiết:

1. The police watched them set out of the car.
2. They let him write a letter to his wife.
3. I heard them talk in the next room.
4. The customs officer made him open the briefcase.
5. The boy saw the cat jump through the window.
6. Do you think the company will make him pay some extra money?
7. I felt the animal move towards me.
8. Do you think her parents will let her go for a picnic?

Tạm dịch:

1. Cảnh sát thấy họ bước ra khỏi xe.
2. Họ để anh ấy viết thư cho vợ.
3. Tôi nghe họ nói chuyện phòng bên cạnh.
4. Nhân viên hải quan bắt anh ta mở hành lý ra.
5. Cậu bé nhìn chú mèo nhảy qua cửa sổ.
6. Bạn có nghĩ công ty sẽ buộc anh ấy trả tiền thừa?
7. Tôi cảm giác con vật đó đi về phía tôi.
8. Bạn có nghĩ bố mẹ cô ấy sẽ để cô ấy đi dã ngoại không?

CLICK NGAY vào đường dẫn dưới đây để tải lời giải bài tập chi tiết, đầy đủ nhất file word, file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi, hỗ trợ các em ôn luyện giải đề đạt hiệu quả nhất.